

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **564/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 24/12/2024

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lil;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thùy Trang;

2. Ông Nguyễn Phúc Viễn;

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Xuyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Thanh – Kiểm sát viên;

Trong ngày 24 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 471/2024/TLST-HNGĐ ngày 18/10/2024 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 246/2024/QĐXXST-HN ngày 29/11/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 208/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11/12/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm 1983; (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp MT, xã MTA, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* **Đoàn Công C**, sinh năm 1981; (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp MT, xã MTA, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đoàn Công C sống chung với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MTA ngày 30/3/2004. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc cho đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, luôn bất hòa trong cuộc sống, nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, công việc mạnh ai nấy làm, biệt lập về kinh tế. Anh C thường xuyên hắt hủi và có lời lẽ nặng lời với chị, thường xuyên bỏ nhà đi, mọi

sinh hoạt gia đình đều riêng biệt, anh C yêu cầu chị ly hôn rất Nhiều lần nhưng vì thời điểm đó hai con còn nhỏ nên chị không đồng ý, muốn hàn gắn gia đình. Nay hai con tôi đã lớn, chị cũng không còn tình cảm với anh C nên chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Đoàn Nguyễn Yến N, sinh ngày 27/6/2004 và Đoàn Thái T, sinh ngày 28/5/2008. Yến N đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Hiện cháu T đang sống chung với chị và anh C. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có;

Bị đơn anh Đoàn Công C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do chính đáng và cũng không có văn bản ghi ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của chị L.

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân thủ pháp luật về thẩm quyền giải quyết, về quan hệ tranh chấp, về thu thập chứng cứ đúng theo qui định pháp luật tố tụng; Về thời hạn chuẩn bị xét xử, gửi hồ sơ; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đúng quy định.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của họ theo quy định pháp luật. Bị đơn vắng mặt không lý do, không thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát có lập luận lý do chị L xin ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng có Nhiều mâu thuẫn, hiện không còn tình cảm, anh C không có văn bản hay ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị L nên đề nghị Tòa cho chị L ly hôn;

Về con chung: Để đảm bảo cho sự phát triển bình thường và sự ổn định cho cháu T nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu T cho chị L tiếp tục nuôi, anh C không cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không có yêu cầu.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử xét thấy.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Kim L và anh Đoàn Công C sống chung với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MTA ngày 30/3/2004 chứng nhận kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Nay

tranh chấp được xem xét giải quyết theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về tố tụng: Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Đoàn Công C đã được triệu tập hợp lệ xét xử, nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L; Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên nhân chị L xin ly hôn là do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, luôn bất hòa trong cuộc sống, nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, công việc mạnh ai nấy làm, biệt lập về kinh tế. Theo lời khai của chị L do anh C thường xuyên hắt hủi, dùng những lời lẽ nặng lời và hay bỏ nhà đi, mọi sinh hoạt gia đình đều riêng biệt, anh C yêu cầu chị ly hôn rất Nều lần nhưng chị muốn hàn gắn. Tuy Nền, hiện tại chị không còn tình cảm với anh C, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh C là có căn cứ. Anh C không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, được Toà án triệu tập Nều lần nhưng vẫn vắng mặt, điều đó cho thấy anh C chưa thật sự muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên cần xem xét cho chị L ly hôn là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có 02 chung tên Đoàn Nguyễn Yến N, sinh ngày 27/6/2004 và Đoàn Thái T, sinh ngày 28/5/2008. Hiện cháu Yến N đã trưởng thành chị L không có yêu cầu gì, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Thái T, chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, chị L yêu cầu nuôi con chung, anh C không có ý kiến phản đối hay tranh chấp gì. Hiện tại anh chị đã sống ly thân, biệt lập về kinh tế và từ khi ly thân cháu T đang sống chung với chị L, chị là người nuôi dưỡng, chăm sóc từ khi ly thân đến nay, nguyện vọng của cháu T muốn sống với chị L nên cần giữ ổn định cho cháu về nơi ở, về việc tiện cho học tập và các mặt sinh hoạt khác nên giao cho chị L tiếp tục nuôi cháu T. Chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét. Chị L nuôi con chung, anh C có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo qui định pháp luật.

[9] Xét ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án có căn cứ phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim L đối với anh Đoàn Công C.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với anh Đoàn Công C;

1.2. Về con chung: Giao cháu Đoàn Thái T, sinh ngày 28/5/2008 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh C không cấp dưỡng cho con. Anh C có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở việc thăm nom.

1.3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận;

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị L đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0008035 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chợ Gạo nên xem như nộp xong án phí.

3. Quyền kháng cáo: Chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG (thay báo cáo);
- VKSND huyện Chợ Gạo (để giám sát);
- CCTHADS huyện CG (để thi hành);
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã MTA;
- Lưu hồ sơ

Nguyễn Thị Mỹ Lil

